

Bản án số: 44/2022/HS-PT

Ngày: 30-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quế

Các Thẩm phán:

Ông Trịnh Xuân Miên

Ông Đỗ Cao Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Mộng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2022/TLPT-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Giang Văn H1 và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo H1, Giang Văn T1, Giang Định H2, Lâm Văn T2 và của bị hại T2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Giang Văn H1, sinh năm 1985 tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp 11, xã Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giang Văn Tuấn và bà Lê Thanh T3; có vợ tên Nguyễn Ngân K2 và hai người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Giang Văn T1, sinh năm 1984 tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện Th, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giang Văn A và bà Nguyễn Thị H3; có vợ và một người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt.

3. Giang Định H2 (tên gọi khác là Hẹn), sinh năm 1993 tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện Th, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giang Văn T4 và bà Lê Thanh T5; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt.

4. Nguyễn Chí Ng, sinh ngày 30/9/2001 tại Cà Mau; nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Thợ điện lạnh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị V; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có đơn xin vắng mặt.

5. Lâm Văn T2 (tên gọi khác là Ký), sinh ngày 09/9/1990 tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp 11, xã Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Thợ Nhôm; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị S (đã chết); có vợ và hai người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo T2*: Luật sư Trần Bá Nhân của Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang. Luật sư có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo*: Lâm Văn T2 (tên gọi khác là Ký, đồng thời là bị cáo trong vụ án)

- *Bị hại không có kháng cáo*:

1. Giang Văn H1 (đồng thời là bị cáo trong vụ án)

2. Giang Định H2 (tên gọi khác là Hẹn, đồng thời là bị cáo trong vụ án)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (không được Tòa án triệu tập)*: Chị Nguyễn Ngân K, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp Cây S, xã H, huyện Th, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng được Tòa án triệu tập, gồm*:

1. Anh Nguyễn Hoàng Kh, sinh năm 1983 (vắng mặt)

2. Chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1981 (vợ anh Kh, vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp 11, xã Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Lâm Văn T2, Giang Văn H1 và Nguyễn Chí Ng là bạn bè, làm nghề nhôm chung với nhau được một thời gian thì giữa T2 và H1 xảy ra mâu thuẫn, nên hai bên nhiều lần có điện thoại, nhắn tin xúc phạm nhau. H1 nhiều lần tìm cách hẹn T2 ra để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Đêm ngày 20/01/2021, T2 sử dụng điện thoại số thuê bao 0948067952 nhắn tin vào điện thoại của Ng có số thuê bao 0857484986 với nội dung đe dọa, xúc phạm người nhà của Ng. Lúc này, Ng chụp ảnh nội dung tin nhắn rồi gửi qua Zalo cho H1 xem và xúi giục H1 tìm cách hẹn T2 ra để đánh cảnh cáo, nhưng chưa xác định được thời gian, địa điểm cụ thể.

Đến ngày 22/01/2021, H1 đến gặp Giang Văn T1 (chú bà con của H1) kể cho T1 nghe nội dung mâu thuẫn giữa H1 với T2 và nói mình đã nhiều lần hẹn T2 ra giải quyết nhưng không được. Do giữa T1 và T2 không quen biết nhau, mà T2 làm nghề thợ nhôm nên H1 kêu T1 gọi điện thoại cho T2 nói dối đặt làm cửa kéo nhằm lừa T2 đến khu vực vắng người để đánh cảnh cáo T2. T1 đồng ý ngay. Lúc 16 giờ 58 phút, ngày 23/01/2021, T1 dùng điện thoại di động của mình có số thuê bao 0796962015 gọi vào số thuê bao 0948067952 của T2 xưng tên là “Bảo” hẹn đặt làm cửa, T2 nghĩ thật nên đồng ý.

Khoảng 09 giờ ngày 24/01/2021, các bị cáo H1, H2 và T1 đang đi đám tang tại nhà người quen ngang sông khu bãi rác Thới Bình thì T2 điện thoại tiếp tục chửi bới H1. Ngay sau đó, H1 bàn bạc với H2, T1 điện thoại hẹn T2 đến khu bãi rác thuộc ấp 6, xã Thới Bình để đánh cảnh cáo T2. H2 và T1 đồng ý, nhưng do đang phụ tiếp đám nên chưa gọi điện thoại cho T2.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, H1 tiếp tục kêu T1 điện thoại cho T2 xuống khu bãi rác đã hẹn trước đó, nhưng do T2 đi công việc không đến liền được nên cả ba cùng đi về nhà, đợi đến giờ sẽ xuống gặp T2. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, H1 điều khiển xe mô tô biển số 69D1 – 422.90, còn H2 điều khiển xe mô tô biển số 69D1 – 136.79 chờ T1 tiếp tục đến khu bãi rác đợi T2. Cả ba người đến được một lúc thì Ng điều khiển xe mô tô biển số 69AC – 030.00 đi làm về ngang, thấy H1 đang ở đây nên dừng lại hỏi, khi biết được H1, T1 và H2 đang đợi T2 đến để đánh cảnh cáo nên Ng cũng ở lại cùng tham gia. Đến khoảng 18 giờ ngày 24/01/2021, T2 một mình điều khiển xe mô tô biển số 69D1 – 045.22 đến khu vực bãi rác theo hướng dẫn của T1 (nhìn vào khu bãi rác có xe màu trắng đang đậu). Khi T2 đi vào khu bãi rác thì bị H1, H2, T1 và Ng đứng xung quanh không cho T2 chạy thoát rồi cùng nhau đánh T2 gây thương tích, nhưng không có sử dụng hung khí nguy hiểm. Trong đó, T2 xác định thương tích ở mắt phải là do H2 dùng chân đá, còn thương tích ở mũi là do T1 dùng chân đạp.

Đánh T2 xong, Ng về trước, chạy xe về nhà ở khóm 3, thị trấn Th. Sau đó H1, T1, H2 cũng chạy về hướng xã Tân Lộc, đến T2 đi ra sau cũng chạy xe về hướng xã Tân Lộc. T2 chạy xe được một đoạn thì thấy H1, H2, T1 đang chạy xe phía trước nên T2 tăng ga vượt lên. Khi về đến nhà (cách khu bãi rác Thới Bình khoảng 03km) T2 bỏ xe ngã trên lộ và đẩy xe kéo chặn ngang lộ nhựa Láng Trâm rồi dùng miếng kim loại (có hình dạng giống lưỡi dao, thường gọi lưỡi liềm mà T2 dùng để hàn cây cột cò) đuổi đánh H2 và T1 nhưng không được. T1 chạy ra bờ ruộng lẩn trốn, còn H2 bỏ lại xe ngoài lộ nhựa Láng Trâm, trước cửa nhà T2, rồi cùng H1 quay xe ngược trở lại đến nhà anh Nguyễn Hoàng Kh (Bí thư ấp 11, xã Th) trình báo vụ việc. Tại nhà Kh thuộc ấp 11, xã Th, huyện Th, T2 cũng đến nên giữa T2 với H1, H2 tiếp tục xảy ra cự cãi, T2 lấy thanh kim loại (ống kẽm) trước cổng hàng rào nhà của Kh rượt H2 chạy vào nhà sau của anh Kh và đánh trúng tay trái của H2 một cái gây thương tích, thì lập tức được anh Kh can ngăn. Lúc này, T2 bỏ đi ra ngoài, đến trước cửa quán nước của anh Kh thì T2 lấy cái ghế ngồi bằng cây gỗ trong quán đập vào xe của H1 đang đậu tại đây gây hư hỏng rồi bỏ về nhà. Một lúc sau, T2 tiếp tục quay lại nhà Kh, chửi bới H1 và H2. T2 dùng đoạn cây gỗ ném trúng vào tay trái của H1 nhưng không gây thương tích. Sau đó lực lượng Công an xã Th đến kiểm tra vụ việc. Đồng thời mời H1, T1, H2 và đem hai phương tiện xe của H1, H2 về trụ sở làm việc. Ngay trong đêm T2 được gia đình đưa đi Bệnh viện đa khoa Cà Mau nhập viện điều trị. H2 bị thương tích nhẹ, không nhập viện điều trị, tự mua thuốc uống khỏi. H1, H2 và T2 đều có đơn yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật.

Giấy chứng nhận thương tích số 104/CN ngày 16/3/2021 của Bệnh viện đa khoa Cà Mau thuộc Sở y tế Cà Mau ghi nhận tình trạng vào viện của Lâm Văn T2: Mắt

phải kết mạc cương tụ, giác mạc mờ, đồng tử dẫn 4mm; Thị lực mắt phải 4/10, mắt trái 9/10; Sung nề đỉnh thái dương phải; Than đầu lồi ngực phải. Theo giấy ra viện của Bệnh viện đa khoa Cà Mau chẩn đoán ghi nhận T2 bị: Đụng dập mi mắt và vùng quanh ổ mắt (PM chấn thương đụng dập nhãn cầu); Tổn thương nông tác động nhiều vùng cơ thể (Theo dõi chấn thương mũi).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 135/TgT-21 ngày 08/4/2021 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Cà Mau kết luận thương tích của Lâm Văn T2 gồm: Mắt phải chấn thương dập nhãn cầu, dẫn đồng tử giảm thị lực 4/10, tỷ lệ 11%, do vật tày hoặc vật tày có cạnh nhọn gây ra; Gãy xương chính mũi, tỷ lệ 09%, do vật tày hoặc vật tày có cạnh nhọn gây ra. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế là 19% (Mười chín phần trăm).

Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 138/TgT-21 ngày 29/3/2021 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Cà Mau kết luận thương tích của Giang Định H2 gồm: 01 vết sẹo 1/3 trên mặt sau cẳng tay trái, kích thước 01cm x 0,4cm, tỷ lệ 01%, do vật tày hoặc vật tày có cạnh nhọn gây ra. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế là 01% (một phần trăm).

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 01/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Một xe mô tô hiệu Honda Vario biển số 69D1-422.90 bị hư hỏng. Tổng giá trị tài sản định giá là 4.250.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H1 10 (mười) tháng tù, xử phạt bị cáo T1 08 (tám) tháng tù, xử phạt bị cáo H2 06 (sáu) tháng tù cùng về tội “Cố ý gây thương tích”;

- Căn cứ khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ng 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, khoản 1 Điều 178, điểm e, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T2 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Hình phạt chung của hai tội là 01 (một) năm tù.

- Buộc các bị cáo H1, T1, H2, Ng bồi thường cho bị hại T2 tổng số tiền 19.628.000 đồng, khấu trừ đi 6.000.000 đồng các bị cáo đã khắc phục, các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại T2 13.628.000 đồng, trong đó, phần bồi thường của từng bị cáo là 3.407.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự của bị cáo T2 đối với bị hại H1 và H2, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/12/2021, bị cáo T2 kháng cáo kêu oan. Bị cáo cho rằng bị cáo không có đánh H2, không có đập phá xe của H1. Bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử các

bị cáo theo đúng khung hình phạt, tội danh mà các bị cáo thực hiện và buộc các bị cáo H1, T1, H2 và Ng phải bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 80 triệu đồng.

Ngày 12/12/2021, các bị cáo H1, T1, H2 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo, bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H1, T1, H2 và T2; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình về phần hình phạt và trách nhiệm dân sự.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo T2 trình bày: Vết thương của H2 và xe mô tô của H1 bị hư hỏng không phải do bị cáo T2 gây ra. Công an xã Thới Bình có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự khi xử lý tin báo, tin tố giác của T2. Đề nghị hủy toàn bộ án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

- Lời nói sau cùng của bị cáo T2: Thống nhất với ý kiến của luật sư. Hành vi của H1 và đồng bọn đánh T2 là có tổ chức nên thuộc khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có đánh gây thương tích cho H2 và đập phá làm hư hỏng xe của H1. Bị cáo bị oan. Tại nhà sau của vợ chồng Kh, thì chỉ có T2 và H2. T2 có cầm thanh kim loại đuổi đánh H2 chạy lên nhà sau của anh Kh. Khi đuổi được H2, T2 không đánh được H2 thì hai bên câu vật với nhau sau đó được anh Kh can ngăn. Do đó, thương tích 01% của H2 không phải do bị cáo gây ra. Bị cáo không có cầm ghế gỗ đập phá làm ngã xe mô tô của H1. Chính H1 mới là người làm ngã xe của mình.

- Lời nói sau cùng của bị cáo H1: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được hưởng án treo. H1 trực tiếp chứng kiến việc T2 dùng ghế gỗ có tại quán nước nhà vợ chồng chị L đập phá làm ngã xe mô tô của H1. Ngoài H1 thì còn có chị L chứng kiến. Trước khi bị đập phá xe này, thì xe mô tô của H1 không có bị hư hỏng gì.

- Lời nói sau cùng của bị cáo T1: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được hưởng án treo;

- Lời nói sau cùng của bị cáo H2: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được hưởng án treo. Thương tích 01% của H2 là do bị cáo T2 dùng thanh kẽm đánh gây ra. Đây là thanh kẽm mà anh Kh giao nộp cho cơ quan điều tra (bút lục số 229). Vào thời điểm bị T2 rượt đuổi đánh tại nhà anh Kh thì chỉ có H2, T2 và anh Kh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với hành vi của các bị cáo tham gia đánh Lâm Văn T2, gồm có: Giang Văn H1, Giang Văn T1 (là chú ruột của H1 và H2), Giang Định H2 (là em ruột H1), Nguyễn Chí Ng (em vợ của H1).

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo H1, T1 và H2 thừa nhận: Khoảng 18 giờ, ngày 24/01/2021, tại khu vực bãi rác thuộc ấp 6, xã Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau, H1, T1, H2 và Ng đánh T2 bằng tay gây thương tích cho T2 ở mắt phải và gãy xương chính mũi với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám

định là 19%. Trước khi thực hiện hành vi, giữa các bị cáo tuy có sự bàn bạc nhưng không câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo H1 giữ vai trò chủ mưu và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Ng có vai trò xúi giục và tham gia thực hiện hành vi phạm tội cùng với các bị cáo H1, T1 và H2. Với các tình tiết này, Tòa án nhân dân huyện Thới Bình đã xét xử các bị cáo H1, T1, H2 và Ng về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Các bị cáo gây thương tích 19% cho bị hại T2 là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm về sức khỏe của công dân, làm mất an ninh trật tự của địa phương. Các bị cáo gây thương tích cho người khác là trái pháp luật, phạm tội thì phải bị xử lý và chịu hình phạt theo pháp luật hình sự.

Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, gồm: Đã bồi thường được một phần thiệt hại; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình có công với cách mạng (trong đó, đối với các bị cáo H1 và H2 có ông chú tên Giang Văn Giàu là liệt sĩ; đối với bị cáo T1 có chú ruột tên Giang Văn Giàu là liệt sĩ; đối với bị cáo Ng có ông nội tên Nguyễn Văn Minh được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì). Từ đó, xử phạt bị cáo H1 10 tháng tù, xử phạt bị cáo T1 08 tháng tù, xử phạt bị cáo H2 06 tháng tù, xử phạt bị cáo Ng 06 tháng tù cho hưởng án treo là nhẹ so với tính chất và mức độ hành vi phạm tội, vị trí, vai trò của các bị cáo. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo H1, T1, H2 và Ng có bồi thường toàn bộ thiệt hại theo như quyết định của cấp sơ thẩm, còn bị hại T2 kháng cáo đề nghị xử lý các bị cáo theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là không có căn cứ. Vì vậy, cần bác kháng cáo của các bị cáo H1, T1, H2 và kháng cáo của bị hại T2, giữ nguyên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã quyết định đối với các bị cáo H1, T1, H2 và Ng.

[2] Đối với bị cáo đồng thời là bị hại Lâm Văn T2:

[2.1] Sau khi thụ lý phúc thẩm vụ án, ngày 09/02/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau có nhận được đơn của T2 lập ngày 07/02/2022 về việc yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết có tại Biên bản tiếp nhận nguồn tin báo về tội phạm do Công an xã Th lập ngày 24/01/2021 (bút lục số 42). Yêu cầu này của T2 không thuộc các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định được quy định tại Điều 206 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mặt khác, Biên bản tiếp nhận nguồn tin báo về tội phạm do Công an xã Th lập không phải là chứng cứ duy nhất để buộc tội đối với các bị cáo H1, T1, H2 và Ng. Công an xã Th không phải là cơ quan tiến hành tố tụng, tuy có vi phạm nhưng không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự. Do đó, yêu cầu hủy án sơ thẩm để điều tra bổ sung của luật sư cũng như của T2 không được chấp nhận.

[2.2] Quá trình điều tra ở cấp sơ thẩm xác định, vào tối ngày 24/01/2021, tại nhà của vợ chồng anh Kh, chị L thuộc ấp 11, xã Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau, T2 và H2 thừa nhận có xảy ra cự cãi và xô xát với nhau. Vụ việc có anh Kh chứng kiến T2 cầm thanh kiếm đuổi đánh H2 (bút lục số 504-505). Thanh kiếm được anh Kh giao

nộp cho cơ quan điều tra (bút lục số 276, 280). Chị L (vợ của anh Kh) thì nhìn thấy T2 cầm thanh kim loại đuổi đánh H2 chạy vào nhà sau (căn nhà phía trên) của vợ chồng chị L (bút lục số 198-499). Tại Văn bản xác nhận và cam kết do anh Kh lập ngày 16/02/2022, anh Kh xác định có xem vết thương của H2 thể hiện: Có vết trầy trên cẳng tay trái, gần cùi chỏ của H2 sau khi câu vật với T2. Vết trầy này nhỏ cỡ bằng đầu đũa ăn cơm, vết trầy có rướm máu. Xác nhận thương tích của H2 do anh Kh lập là phù hợp với kết quả giám định số 138/TgT-21 ngày 29/3/2021 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Cà Mau đối với H2, thể hiện: 01 vết sẹo 1/3 trên mặt sau cẳng tay trái, kích thước 01cm x 0,4cm, tỷ lệ 01%, do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra. Do đó, quá trình điều tra xác định thương tích 01% của H2 do T2 cầm thanh kẽm (là loại hung khí nguy hiểm) gây ra là có căn cứ.

[2.3] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Vario biển số 69D1-422.90 của H1 đậu tại vị trí phía trước quán nước của vợ chồng anh Kh thuộc ấp 11, xã Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau. Ngoài H1 nhìn thấy, thì còn có chị L trực tiếp chứng kiến việc T2 dùng ghế gỗ có tại quán nước đập vào chiếc xe mô tô của H1. Vị trí H1 nhìn là phía mé sông cách chiếc xe khoảng 10 mét, chị L đứng cách chiếc xe khoảng 04 mét, không bị che khuất tầm nhìn, trời tối nhưng quán nước có đèn chiếu sáng nên nhìn rõ. Ngoài T2 thì không có ai tham gia đập phá xe của H1 (bút lục số 494-499). Ngược lại, T2 không thừa nhận hành vi đập phá làm ngã xe mô tô của H1. Tuy nhiên, với không gian, thời gian và sự việc T2 bị nhóm của H1 đánh xảy ra ngay trước đó, thì lời khai của chị L có tại hồ sơ và lời khai của H1 tại phiên tòa là đáng tin cậy. Tuy sáng hôm sau (25/01/2021), H1 mới đem xe đến Công an xã Th để lập biên bản, nhưng các bộ phận của xe mô tô khi lập biên bản xác định các bộ phận của xe bị hư hỏng, gồm: Cánh búng trái của xe bị vỡ một phần, không còn giá trị sử dụng; yếm đứng ở khóa bị vỡ một phần, không còn giá trị sử dụng; ốp sườn trái bị nứt bể dài ở vùng giữa ốp sườn, không còn giá trị sử dụng (bút lục số 240-241). Các bộ phận này của xe mô tô bị hư hỏng xảy ra vào tối ngày 24/01/2021 phù hợp với xác nhận của các anh Nguyễn Bá Chiêu và Bùi Vi Khanh, là Công an viên của xã Th được phân công làm nhiệm vụ có mặt tại nhà anh Kh vào tối ngày 24/01/2021 (bút lục số 247-252), phù hợp với lời khai của anh Kh (bút lục số 659-660). Với các tình tiết này xác định xe mô tô của H1 bị hư hỏng vào tối ngày 24/01/2021 tại phía trước quán nước của vợ chồng anh Kh là do T2 gây ra. Kết quả định giá xác định các bộ phận này của xe có giá trị 4.250.000 đồng.

[2.4] Từ các tình tiết nêu tại tiểu mục [2.2], [2.3] nói trên, Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử bị cáo T2 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan cho bị cáo.

[2.5] Quá trình xét xử, cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, hậu quả gây ra và xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T2, gồm: Phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình có công với cách mạng. Riêng tình tiết gia đình bị cáo T2 có công với cách mạng nhưng cấp sơ thẩm không nêu ra được ai là người có công, hồ

sơ cũng không có tài liệu nào thể hiện vấn đề này. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo là không đúng. Tuy nhiên, ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo T2 có cung cấp xác nhận của chính quyền địa phương về việc bị cáo có ông ngoại tên Nguyễn Thanh Dân được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Ngoài ra, bị cáo có kiến thức pháp luật còn hạn chế do trình độ học vấn thấp, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo chỉ gây thương tích cho H2 01% và làm hư hỏng xe mô tô của H1 gây thiệt hại 4.250.000 đồng. Thương tích và thiệt hại đều ở mức khởi điểm tại khoản 1 của điều luật, trong khi bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T2 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” là quá nghiêm khắc so với mức hình phạt của các bị cáo H1, T1, H2 và Ng. Tuy bị cáo T2 kháng cáo kêu oan, nhưng xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nguyên nhân và điều kiện phạm tội thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, để bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp, cũng đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Theo quy định của pháp luật đối với loại hình phạt cải tạo không giam giữ, người chấp hành hình phạt bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Trên cơ sở mức thu nhập của bị hại T2 là 300.000 đồng/ngày, xác định số tiền bị cáo T2 còn phải chịu khấu trừ 5% thu nhập với số tiền là 450.000 đồng/tháng $((300.000 \text{ đồng/ngày} \times 30 \text{ ngày}) \times 5\%)$.

[2.6] Đối với kháng cáo của bị hại T2 về phần trách nhiệm dân sự:

Cấp sơ thẩm đã xem xét buộc các bị cáo H1, T1, H2 và Ng phải bồi thường cho bị hại T2 với tổng số tiền là 19.628.000 đồng, khấu trừ số tiền các bị cáo đã bồi thường 6.000.000 đồng, các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại T2 13.628.000 đồng. Trong đó, phần của mỗi bị cáo phải bồi thường là 3.407.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại T2 kháng cáo yêu cầu các bị cáo H1, T1, H2 và Ng phải bồi thường 80.000.000 đồng nhưng không xác định rõ gồm các khoản thiệt hại nào và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho các thiệt hại này. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị hại T2 về việc yêu cầu các bị cáo H1, T1, H2 và Ng tăng mức bồi thường.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo H1, T1, H2 và Ng đã tự Ng nộp số tiền bồi thường cho bị hại T2 theo như quyết định của cấp sơ thẩm. Do đó, cần phải xác định lại phần trách nhiệm dân sự của các bị cáo cho phù hợp với thực tế.

[3] Với các tình tiết nêu trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa được chấp nhận một phần, không chấp nhận ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo T2.

[4] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo H1, T1, H2 và Ng đã tự Ng nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm được ghi nhận đã nộp xong.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo H1, T1, H2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do sửa án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo T2, nên bị cáo T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Về phần trách nhiệm dân sự, cấp sơ thẩm buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại, nhưng lại không căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 587, 590 của Bộ luật Dân sự để giải quyết là có thiếu sót. Do không có kháng cáo và kháng nghị về vấn đề này, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[7] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Giang Văn H1, Giang Văn T1 và Giang Định H2; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo đồng thời là bị hại Lâm Văn T2; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau về phần hình phạt đối với bị cáo Lâm Văn T2.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Giang Văn H1 10 (mười) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

- Xử phạt bị cáo Giang Văn T1 08 (tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

- Xử phạt bị cáo Giang Định H2 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Chí Ng 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Ng cho Ủy ban nhân dân thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, khoản 1 Điều 178, điểm e, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Văn T2 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) tội là 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ

chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo T2 phải nộp vào ngân sách nhà nước tiền khấu trừ thu nhập mỗi tháng 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Các điều 587, 590 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Giang Văn H1, Giang Văn T1, Giang Định H2 và Nguyễn Chí Ng phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại Lâm Văn T2 với tổng số tiền là 13.628.000 (mười ba triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn) đồng. Trong đó, phần của mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại T2 là 3.407.000 (ba triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn) đồng. Các bị cáo H1, T1, H2 và Ng đã thực hiện xong việc bồi thường trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

3.2. Bị hại T2 được nhận số tiền bồi thường do các bị cáo H1, T1, H2 và Ng đã nộp, gồm: 5.000.000 (năm triệu đồng) tại Cơ quan điều tra Công an huyện Thới Bình (Giấy nộp tiền ngày 05/8/2021 vào tài khoản của Công an huyện Thới Bình tại Kho bạc nhà nước huyện Thới Bình); 1.000.000 (một triệu) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình theo Biên lai thu tiền số 0002771 ngày 23/8/2021; 13.628.000 (mười ba triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình theo các Biên lai thu tiền số 0002893, 0002894, 0002895 cùng ngày 28/02/2022. Số tiền còn lại theo các Biên lai thu tiền này được khấu trừ khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm mà các bị cáo H1, T1, H2 và Ng phải nộp.

3.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3.4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí và hiệu lực của bản án

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, Điều 343, khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2035/UBTVQH14 ngày 30/12/2035 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

4.1. Các bị cáo Giang Văn H1, Giang Văn T1, Giang Định H2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Trong đó, phần của mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn)

đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các bị cáo đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm tại các Biên lai thu tiền số 0002893, 0002894, 0002895 ngày 28/02/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.

4.2. Các bị cáo Giang Văn H1, Giang Văn T1, Giang Định H2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Trong đó, phần của mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Bị cáo Lâm Văn T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

4.3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4.4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình;
- Công an huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế